

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2021/HS-ST

Ngày: 09 – 11 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT – TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Út

2. Ông Ngô Hoàng Sĩ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 150/2021/TLST - HS ngày 05 tháng 8 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

**Bùi Đức K;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993, tại H; Hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã H, huyện T, thành phố H; Chỗ ở: Xóm 6, xã H, huyện T, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông B và bà Lê Thị T, sinh năm: 1972; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 05 (năm) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù về tội trộm cắp tài sản, theo Bản án số 65/2017/HSPT ngày 31/5/2017;

- Ngày 13/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự;

- Ngày 23/7/2021 bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 06/12/2020, bị giữ và bị bắt người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương cho đến nay. Bị cáo có mặt

*Bị hại:* Anh Nguyễn Thị A, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: số nhà 55 đường DA1.1, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. vắng mặt

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1993; địa chỉ: Tổ 1, khu Vĩnh Tân, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

*Người làm chứng:*

- Anh Cù Văn A2, sinh năm: 1992 (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1972 (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1996 (vắng mặt)
- Anh Võ Thành N, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức K là người không có việc làm. K thường truy cập trang mạng xã hội Facebook để giải trí thì thấy trong nhóm “Chợ buôn bán sắt vụn – phế liệu giá rẻ” có nhiều người đăng bài mua bán sắt thép nên nảy sinh ý định lừa đảo người mua sắt chiếm đoạt tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này, thông qua mạng Internet K tìm mua nhiều tài khoản ngân hàng và sim điện thoại do người khác đứng tên đăng ký để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng.

Ngày 20/10/2020, trong khi K đang ở thành phố H thì thấy tài khoản Facebook tên An Nguyen của anh Nguyễn Thị A, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương có đăng bài trong nhóm “Chợ buôn bán sắt vụn – phế liệu giá rẻ” với nội dung “cần 50 tấn sắt V3 và sắt cuộn 2li...nhập hàng liên tục hàng tháng trên 30 tấn...”. Phía dưới bài viết của ông Ân có tài khoản Facebook tên An Phát Steel của anh Võ Thành N, sinh năm: 1985, nơi

cư trú: Ấp T, xã Mỹ H, huyện Đ, tỉnh L, bình luận với nội dung là có hàng giá rẻ và số thuê bao của anh Nam để anh A liên lạc.

K sử dụng số thuê bao 0936.05.9999 và tài khoản Zalo Giang Pro liên lạc với anh N giới thiệu tên là Giang và cần mua sắt loại V3 và sắt cuộn. Anh N gửi cho K hình ảnh các loại sắt và báo địa điểm để hàng là ở thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tiếp đó, K sử dụng số thuê bao 0936.05.9999 và tài khoản Zalo Giang Pro liên lạc với anh A xưng tên là Giang và có sắt bán thanh lý với giá rẻ. Anh A nói cần mua khoảng 30 tấn sắt V3, V4 và hỏi giá sắt thì K kêu anh A đi xem hàng rồi sẽ báo giá sau.

K tiếp tục nhắn tin với anh N thỏa thuận mua của anh N 30,4 tấn sắt loại V3, V4 với tổng số tiền 384.076.000 đồng. Anh N đồng ý chở sắt đến giao tại địa chỉ theo yêu cầu của K và cho K số tài khoản ngân hàng của anh N để thanh toán tiền mua sắt ngay sau khi nhận hàng.

Sau khi đồng ý bán sắt cho K, anh N liên lạc mua 30,4 tấn sắt V3, V4 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (gọi tắt là Công ty T) do anh Trần Đức T2, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 4, khu 8, phường U, thị xã T, tỉnh B làm Giám đốc, để bán lại cho K. Anh N kêu K đến Công ty T thì K gọi điện thoại kêu anh A đến Công ty T để xem sắt.

Sau khi xem sắt ở Công ty T thì anh A thỏa thuận với K mua 30,4 tấn sắt V3, V4 với tổng số tiền 249.200.000 đồng. Anh A yêu cầu K giao hàng ngày 23/10/2020 và gửi định vị địa điểm cho K để chở hàng đến giao.

Đến ngày 23/10/2020, theo yêu cầu của K, anh N thuê anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 4, khu 8, phường U, thị xã T, tỉnh điều khiển xe tải chở 30,4 tấn sắt loại V3, V4 từ Công ty sắt thép T giao cho anh A tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Khi nhận được sắt, theo yêu cầu của K, anh A chuyển số tiền 249.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng do K sử dụng số 646.100.003.759.90 tên Nguyễn Thị Hồng Nhung tại Ngân hàng BIDV.

Anh H báo cho anh N biết là đã giao hàng cho anh A, anh A đã chuyển tiền mua sắt nhưng anh N không nhận được tiền và không liên lạc được với K. Anh N yêu cầu anh H lấy lại 30,4 tấn sắt đã giao cho anh A chở về trả lại cho Công ty T. Cùng ngày, anh A làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Khi nhận được tiền do anh A chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị Hồng Nhung, K nhờ bạn là Dương Văn V, sinh năm 1997, nơi cư trú: Phường Phương N, thành phố U, tỉnh Q tìm địa điểm có dịch vụ chuyển rút tiền để rút tiền mặt giúp K. V đi đến cửa hàng điện thoại di động và dịch vụ chuyển tiền 24/7 của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số 204 tổ 5, khu phố Bí Trung 2, phường P, thành phố U, tỉnh Q hỏi số tài khoản của ông Q. Ông Q cho V số tài khoản 603.011.688.8678 của ông Q tại Ngân hàng Quân đội để V nhắn tin cho K. Sau đó, K chuyển số tiền 140.000.000 đồng từ tài khoản tên Nguyễn Thị Hồng Nhung đến tài khoản của ông Q.

K tiếp tục chuyển số tiền 104.000.000 đồng từ tài khoản tên Nguyễn Thị Hồng Nhung đến tài khoản số 219.585.349 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) tên Nguyễn Thị Thu Hương do K quản lý, sử dụng. Sau đó chuyển tiếp 70.000.000 đồng từ tài khoản tên Nguyễn Thị Thu Hương đến tài khoản của ông Q. Ông Q đưa cho số tiền 210.000.000 đồng, V về đưa lại cho K để tiêu xài cá nhân. Số tiền 34.000.000 đồng còn lại trong tài khoản tên Nguyễn Thị Thu Hương, K sử dụng để nạp tiền chơi game.

Ngoài ra, K chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản tên Nguyễn Thị Hồng Nhung đến tài khoản số 321.100.010.886.91 tại Ngân hàng BIDV của bạn là Cù Văn Á, sinh năm 1992, nơi cư trú: Xã L, huyện T, thành phố H để cho A mượn số tiền này.

Theo Kết luận giám định số 1256/C09B ngày 22/4/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tiếng nói trong 03 file ghi âm nội dung nói chuyện qua điện thoại về việc giao nhận hàng giữa anh Nguyễn Ngọc H với Bùi Đức K là tiếng nói của Bùi Đức K.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT – VKS – P1 ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi Đức K, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và thừa nhận toàn bộ hành vi mình thực hiện đúng như Kết luận điều tra và Cáo trạng thể hiện.

Quá trình điều tra, truy tố bị hại anh Nguyễn Thị A khẳng định hành vi bị cáo đã thực hiện đúng với nội dung Cáo trạng đã thể hiện.

Về phần dân sự: Gia đình bị cáo đã hoàn trả cho bị hại số tiền 249.000.000đ, bị hại không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với tội danh và hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Từ ngày 20/10/2020 đến ngày 23/10/2020, Bùi Đức K thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo liên lạc với anh Nguyễn Thi A, đưa ra thông tin giả là mình có sắt để bán cho anh A, chiếm đoạt của anh A số tiền 249.200.000 đồng.

[2.2] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình vi phạm pháp luật nhưng vẫn đưa ra những thông tin gian dối để anh A tin là bị cáo có 30,4 tấn sắt bán cho anh A. Sau khi anh A chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng mà bị cáo đã thuê trước đó thì bị cáo cắt toàn bộ thông tin liên lạc nhằm chiếm đoạt của anh A số tiền 249.200.000 đồng. Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 32/CT - VKS – P1 ngày 22/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[03] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện thì thấy: Hành vi của bị cáo gây ra rất nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn cho bị hại với

số tiền 249.200.000 đồng. Bị cáo dùng thủ đoạn hết sức tinh vi, dùng tài khoản mạng để bị hại không nắm rõ thông tin cá nhân, mua các tài khoản ngân hàng, thuê sim số đăng ký tên người khác để giao dịch nhằm tránh sự truy tìm và gây khó khăn cho công tác điều tra. Bị cáo đã từng bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, tuy đã chấp hành xong bản án nhưng không tìm kiếm công việc, ổn định cuộc sống, lại tiếp tục phạm tội điều đó cho thấy bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Nên cần có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[04] Xét về nhân thân: Bị cáo không có nghề nghiệp, công việc ổn định; có một tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém; Ngày 23/7/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 01 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đối với hành vi thực hiện ngày 19/9/2020; Ngày 12/01/2021 bị khởi tố về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra vào ngày 08/10/2020, theo quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

[05] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo dùng thủ đoạn hết sức tinh vi, dùng tài khoản mạng để bị hại không nắm rõ thông tin cá nhân, mua các tài khoản ngân hàng, thuê sim số đăng ký tên người khác để giao dịch nhằm tránh sự truy tìm và gây khó khăn cho công tác điều tra. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại bãi nại về trách nhiệm dân sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường toàn bộ số tiền 249.200.000đ, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[06] Về vật chứng:

[6.1] 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1110i màu trắng xanh của Bùi Đức K; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SamSung màu nâu có số Imei: 358306090718767 của Bùi Đức K; 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax có số Imei 353958101303370 của Bùi Đức K; 01 (một) ổ cứng di động số: S/N: S2XZJ9BD300839 là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc khi thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6.2] 01 (một) sim điện thoại có các số in trên thẻ sim của tổng đài Viettel số: 8984048000079783952; 18 (mười tám) phôi sim điện thoại cụ thể:

+ 01 (một) phôi sim số: 8401200234041114;

+ 04 (bốn) phôi sim Vietnammobile số: 89840509191032717072, 89840509201211295848; 89840509191037272123; 89840509191032718617;

+ 05 (năm) phôi sim Mobifone số: 8401200234041123; 8401200234041112; 8401200234041124; 8401190334417617; 8401200234041126;

+ 08 (tám) phôi sim Viettel số: 8984048000048729364; 8984048000080131074; 8984048000037273986; 8984048000037164623; 8984048000065608469; 8984048000072118213; 8984048000077797273; 8984048000076489776;

Đây là vật chứng bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[07] Các vấn đề khác:

[7.1] Đối với tài khoản số 646.100.003.759.90 tại Ngân hàng BIDV do chị Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đứng tên đăng ký; tài khoản số 219.585.349 tại Ngân hàng VPBank do chị Nguyễn Thị Thu Hương, nơi cư trú: Số 146 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký, quá trình điều tra K khai nhận mua của đối tượng tên Khôi (không xác định được lai lịch) qua mạng Internet để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua xác minh thì chị Nhung và chị Hương không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát tiếp tục làm rõ, xử theo quy định.

[7.2] Đối với ông Nguyễn Văn Q làm nghề kinh doanh dịch vụ chuyên, rút tiền 24/7. Ngày 23/10/2020, K chuyển tiền vào tài khoản của ông Quảng để nhận tiền mặt, ông Q không biết đây là tiền do K phạm tội mà có; Đối với anh Cù Văn A là bạn của Bùi Đức K. Việc K chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho Ánh vay thì Ánh không biết là tiền do K phạm tội mà có; Đối với sim điện thoại có số thuê bao 0936.05.9999 do K thuê của anh Nguyễn Văn Q2, sinh năm 1991, nơi cư trú: Số 16, ngõ 20, đường Quyết Tiến, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Việc K sử dụng sim số thuê bao này thực hiện hành vi phạm tội. Do đó không có căn cứ xử lý đối với những người có tên nêu trên.

[7.3] Đối với Dương Văn V có hành vi rút số tiền 210.000.000 đồng cho Bùi Đức K, quá trình điều tra, K khai không nói cho V biết đây là tiền do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng hiện V không có mặt

tại nơi cư trú nên chưa làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định.

[08] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[09] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù theo bản án số 116/2021/HS – ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2020.

**2.** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại có các số in trên thẻ sim của tổng đài Viettel số: 8984048000079783952; 18 (mười tám) phôi sim điện thoại cụ thể:

+ 01 (một) phôi sim số: 8401200234041114;

+ 04 (bốn) phôi sim Vietnammobile số: 89840509191032717072, 89840509201211295848; 89840509191037272123; 89840509191032718617;

+ 05 (năm) phôi sim Mobifone số: 8401200234041123; 8401200234041112; 8401200234041124; 8401190334417617; 8401200234041126;

+ 08 (tám) phôi sim Viettel số: 8984048000048729364; 8984048000080131074; 8984048000037273986; 8984048000037164623; 8984048000065608469; 8984048000072118213; 8984048000077797273; 8984048000076489776;

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1110i màu trắng xanh của Bùi Đức K; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SamSung màu nâu có sốImei: 358306090718767 của Bùi Đức K; 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax có số Imei 353958101303370 của Bùi Đức K; 01 (một) ổ cứng di động số: S/N: S2XZJ9BD300839.



*(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).*

**3.** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Đức K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND T. Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Bị cáo; Bị hại;
- NCQL, NVLQ;
- Lưu H.s; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**